

Bản án số: 592/2018/HSPT
Ngày 18 tháng 10 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Quốc Khởi

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 181/2018/TLPT- HS ngày 10 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo Lương Trần T và Trần Phục K, do có kháng cáo của các bị cáo Lương Trần T và Trần Phục K; bị hại là anh Phạm Đăng N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thu H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2018/TLPT- HS ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Lương Trần T, sinh năm: 1980.

HKTT: Số 144/7, đường L, Phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Số 118, đường L1, Phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên may T1; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Vĩnh Đ(Chết) và bà Huỳnh Thị C; có vợ là Nguyễn Thu H và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Trân T:* Ông Nguyễn Trường T2, Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

2. Họ và tên: Trần Phục K, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Ấp M, xã T3, huyện T4, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị S; có vợ là Võ Thị Thùy D và 01 người con sinh năm 2011; tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Phục K:* Ông Trần Văn S1, Luật sư Văn phòng luật sư Văn S1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt).

- **Người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:**

- *Bị hại:* Anh Phạm Đăng N, sinh năm: 1982. (Xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 130, đường T4, Phường 1, thành phố V.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông Nguyễn Quyết Q, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thu H, sinh năm: 1982. (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 118, đường L1, Phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Phục K sinh năm 1984, trú tại ấp M, xã T3, huyện T4, tỉnh Vĩnh Long là cán bộ tín dụng của chi nhánh Ngân hàng M1 tỉnh Vĩnh Long; Lương Trân T, sinh năm 1980, trú tại số 144/7 đường L, Phường 5, thành phố V - Giám đốc công ty TNHH Một Thành viên may T1 (viết tắt là công ty T1) khách hàng vay của ngân hàng, đồng thời cũng là khách hàng vay của anh Phạm Đăng N sinh năm 1982, trú tại số 130, đường T4, Phường 1, thành phố V, anh N cũng là khách hàng của ngân hàng nơi K làm việc.

Theo lời trình bày của anh N (BL 105, 202): K đã giới thiệu anh N cho T biết để T thực hiện việc vay tiền đáo hạn ngân hàng và qua mỗi lần anh N cho T vay, K có ký tên người làm chứng, K đều được anh N chi tiền hoa hồng theo tỷ lệ lãi N 70 %, K 30%, trong thời gian này T đã nhiều lần vay tiền của anh N thông qua hệ thống Ngân hàng và K là người được Giám đốc ngân hàng phân công theo dõi công nợ, hỗ trợ khách hàng T và N.

Theo lời trình bày của T(BL 319): T cũng cho tiền cho K từ 10 triệu đồng đến 30 triệu đồng mỗi lần vay tiền từ anh N.

K không thừa nhận có nhận tiền của N và T.

Đến ngày 09/11/2015, T và anh N đã chót nợ với tổng số tiền mà T đã vay, còn nợ là 2.164.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm sáu mươi bốn triệu đồng) và T cam kết mỗi tháng trả cho anh N từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Sau đó, T có trả tiền cho N theo cam kết 02 lần với số tiền 100.000.000 đồng, hiện T còn nợ anh N số tiền 2.064.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu đồng). Số nợ 2.064.000.000 đồng, T không thực hiện trả như cam kết, anh N đã nhiều lần yêu cầu T trả nợ nhưng T không trả, nên anh N liên hệ K yêu cầu K có trách nhiệm đòi tiền cho anh N, nhưng vẫn không hiệu quả. Thời điểm này K là cán bộ tín dụng được Giám đốc ngân hàng giao trực tiếp theo dõi công nợ, hỗ trợ khách hàng là T và N, K sợ sự việc bị giám đốc phát hiện sẽ bị kỷ luật, nên K đã gặp bàn bạc với T và T đồng ý làm giả “Giấy trả tiền ngày 14/4/2016” (BL 138 - lời khai K ngày 26/9/2016), mục đích để che dấu không cho Giám đốc biết T còn nợ N để K không bị kỷ luật, đồng thời còn giúp T chứng minh đã trả xong khoản tiền 2.064.000.000 đồng còn nợ anh N đối với ngân hàng để T được tiếp tục vay vốn.

Trong khoảng thời gian tháng 4/2016, K cung cấp cho T 01 tờ giấy không ghi nội dung, loại giấy A4 có chữ ký và chữ viết họ tên của Phạm Đăng N đồng thời hướng dẫn cho T viết thêm nội dung giấy trả tiền, nhưng T đã viết sai và bỏ. Vài ngày sau đó, K tiếp tục cung cấp cho T 01 tờ giấy không ghi nội dung, loại giấy A4 bên dưới có chữ ký, họ tên của Phạm Đăng N, tờ giấy này đã cắt bỏ phần tiêu đề bảng kê hàng hóa, đồng thời trực tiếp soạn nội dung và hướng dẫn T viết thêm nội dung để làm nên giấy trả tiền ngày 14/4/2016. Cả 02 tờ giấy này K có được là do K đưa cho N ký dư trong quá trình làm hồ sơ nâng hạn mức vay. Sau đó, K mang “Giấy trả tiền giả” này đi phô tô và cung cấp cho ông Lưu Phan Thanh Q1 là Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng M1 thành phố V biết là T không còn nợ N, sau đó ông Q1 đưa cho anh N xem, K cung cấp cho anh N một bản phô tô giấy trả tiền, K trả lại bản chính cho T giữ. Nhận thấy “Giấy trả tiền” này là giả, vì thực tế T chưa trả tiền cho anh N nên anh N đã làm đơn tố cáo hành vi của Lương Trần T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long. Tại Cơ quan điều tra T vẫn khẳng định giấy trả tiền này là thật và khẳng định T đã trả xong nợ cho N từ nguồn tiền mượn của hai người anh là Lương Vĩnh T5 và Lương Thái T6, Cơ quan điều tra đã làm việc với K 02 lần với khoảng thời gian cách xa 02 tháng, nhưng K vẫn không khai ra sự thật.

Căn cứ vào kết luận giám định số 1993/C54B ngày 29/6/2016 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Chữ viết phần nội dung từ dòng 01 đến dòng 14 (từ trên xuống) trên “giấy trả tiền” đề ngày 14/4/2016 (bên trả tiền đứng tên Lương Trân T, bên phải đứng tên Phạm Đăng N – ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên “Phạm Đăng N” dưới mục “bên nhận tiền” trên tài liệu ký hiệu A là không cùng màu mực.

- Không kết luận được chữ viết phần nội dung từ dòng 01 đến dòng 14 (từ trên xuống) trên “giấy trả tiền” đề ngày 14/4/2016 (bên trả tiền đứng tên Lương Trân T, bên phải đứng tên Phạm Đăng N – ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên “Phạm Đăng N” dưới mục “bên nhận tiền” trên tài liệu ký hiệu A là được viết và ký trong cùng một thời điểm hay không.

Căn cứ kết luận giám định số 3539A/C54-P5 ngày 21/9/2016 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát như sau:

- Không xác định được chữ viết phần nội dung trên “Giấy Trả Tiền” đứng tên Lương Trân T đề ngày 14/4/2016 (ký hiệu A) được viết trước hay viết sau so với các chữ “PHẠM ĐĂNG N” và chữ ký đứng tên PHẠM ĐĂNG N dưới mục “Bên Nhận Tiền”.

- “Giấy Trả Tiền” đứng tên Lương Trân T đề ngày 14/4/2016 (ký hiệu A) bị cắt phần bên trái và phía trên theo khổ giấy A4.

Về trách nhiệm hình sự: Anh Phạm Đăng N yêu cầu xử lý Lương Trân T và Trần Phục K theo quy định của pháp luật.

Về bồi thường thiệt hại: Anh Phạm Đăng N yêu cầu Lương Trân T và Trần Phục K phải trả đủ số tiền gốc là 2.064.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu đồng) và trả lãi suất quá hạn tại ngân hàng theo giấy cam kết trả nợ ngày 09/11/2015, hiện tại Lương Trân T đã khắc phục cho anh N 7.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 20/CT-VKS-P1 ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố Lương Trân T, Trần Phục K về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Lương Trân T trình bày: Trong suốt quá trình tiến hành tố tụng bị cáo không bị ép cung, mớm cung, dụ cung hay nhục hình, tất cả các lời khai do bị cáo tự nguyện khai, quá trình tố tụng bị cáo đã được nghe Điều tra viên giải thích quyền và nghĩa vụ, bị cáo không khiếu nại gì về hành vi của Điều tra viên và Kiểm sát viên. Bị cáo xác định nội dung cáo trạng đã nêu là đúng như hành vi phạm tội của bị cáo, xin giảm nhẹ hình phạt, đồng ý trả nợ gốc xin xem xét giảm lãi. Tất cả việc làm giả giấy trả tiền, nội dung trong giấy trả tiền là do K đọc nội dung và K là người cung cấp giấy có chữ ký của N, hướng dẫn T viết giấy trả tiền giả là viết từ dưới lên trên từng chữ, khi Cơ quan điều tra mời làm việc vào ngày 03/9/2016 K còn kêu T khai cho khớp với K đã khai tại Cơ quan điều tra. Tất

cả sự việc là do K kêu T làm, mỗi lần vay tiền T đều có cho K từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

Bị cáo Trần Phục K trình bày: Bị cáo hiện tại không khiếu nại hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, tuy nhiên bị cáo K cho rằng tại các lời khai ngày 04/4/2017, bản khai ngày 20/02/2017, ngày 16/3/2016 Điều tra viên ghi chưa hết ý của bị cáo K, kêu bị cáo K khai là đưa giấy trả tiền phải nhận thức được anh N mất tiền và kêu bị cáo K khai có hướng dẫn bị cáo T mượn tiền của hai người anh bị cáo T. Bị cáo K cũng thừa nhận mỗi bản khai bị cáo K đều có đọc lại và ký tên đầy đủ và bị cáo K thừa nhận có cung cấp cho bị cáo T 02 tờ giấy trắng có chữ ký và chữ viết của Phạm Đăng N, loại giấy A4, tờ A4 thứ 01 còn nguyên vẹn, tờ A4 thứ 02 có cắt bỏ một phần vì có chữ băng kê hàng hóa, ngày 20/4/2016 là đưa tờ giấy thứ 02, lúc này anh N thừa bị cáo tại ngân hàng nên làm giấy đôi phó với ngân hàng. Bị cáo đọc nội dung và kêu T viết từ dưới lên trên. Khi viết xong bị cáo biết nội dung trong tờ giấy, bị cáo mượn tờ giấy trả tiền đi phô tô đưa cho ông Q1 để ông Q1 đưa cho anh N. Bị cáo cũng thừa nhận bị cáo biết số nợ của T đang nợ N là hơn 2 tỷ vì K biết giữa T và N có chốt nợ. K cho rằng kêu T ghi vào tờ giấy trả tiền số tiền 570.000.000 đồng và ghi trước ngày chốt nợ, nhưng T ghi 2.064.000.000 đồng thì K cũng không có ý kiến khác.

Bị hại Phạm Đăng N xác định: Nhặt quen biết K khi đến ngân hàng vay, K cũng giới thiệu T vay tiền chỗ N, K cũng là người làm chứng việc vay nợ giữa T và N. Mỗi lần cho vay N đều cho K tiền 30 triệu đồng hoặc 40 triệu đồng. N là khách hàng vay của ngân hàng nên N thường ký nhiều tờ giấy không có nội dung giao cho K để phòng khi N đi thành phố trị bệnh không có nhà thì K tự làm thủ tục vay tiền để cho T vay lại. Khi N tố cáo Tại Cơ quan điều tra K không có thương lượng gì với N. N yêu cầu T trả số nợ gốc và tính lãi, K cũng phải có trách nhiệm cùng với T trả nợ và đề nghị xử lý T, K theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thu H trình bày: Chị H đồng ý cùng có trách nhiệm với bị cáo T trả nợ cho Phạm Đăng N, xin giảm nhẹ cho Lương Trần T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 03/2018/HSST ngày 30/01/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lương Trần T, Trần Phục K phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lương Trân T mức hình phạt 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Phục K mức hình phạt 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lương Trân T và chị Nguyễn Thu H có trách nhiệm trả cho Phạm Đăng N 2.280.364.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tiếp tục thực hiện lệnh kê biên tài sản số 01 ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Long đối với tất cả máy may tại phân xưởng 1, công ty T1 đặt tại ấp T7, xã H2, huyện T4, tỉnh Vĩnh Long của bị cáo Lương Trân T (Kèm theo biên bản kê biên tài sản ngày 17/02/2017 - BL 266, 267).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 000146 ngày 26/01/2018 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 06/02/2018 bị cáo Lương Trân T kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm, xem xét được miễn trách nhiệm hình sự và chỉ trả số tiền nợ gốc, xem xét trả hồ sơ điều tra bổ sung về hành vi cho vay nặng lãi của Phạm Đăng N.

Ngày 08/02/2018 bị cáo Trần Phục K kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm, xem xét, giải quyết lại vụ án theo cấp phúc thẩm và minh oan.

Ngày 06/02/2018 chị Nguyễn Thu H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm, xem xét, giảm số tiền phải chịu trách nhiệm dân sự của chị và T.

Ngày 12/02/2018 bị hại Phạm Đăng N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo T và K vì hình phạt nhẹ, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo; việc tính lãi suất của số tiền bị chiếm đoạt là chưa phù hợp, đề nghị buộc bị cáo T và vợ là Nguyễn Thu H phải trả tiền lãi của số tiền chiếm đoạt theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng M1 thành phố V (15%/năm). Đồng thời, tính lãi thêm trong khoảng thời gian từ ngày 04/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/01/2018).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lương Trần T, bị cáo Trần Phục K, chị Nguyễn Thu H, bị hại Phạm Đăng N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T cung cấp chứng cứ là USB ghi âm thể hiện N thừa nhận 2.064.000.000 đồng có tiền lãi. Cấp phúc thẩm không có cơ sở thẩm định, phải điều tra xét xử, giám định, đối chất giữa bị cáo, bị hại để xác định việc vay nợ. Về tố tụng: Tại khoản a điểm 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự quy định bị cáo bị xét xử khung hình phạt 20 năm tù phải chỉ định người bào chữa nếu họ không mời người bào chữa. Tòa án cấp sơ thẩm đã không có cử luật sư cho bị cáo, vi phạm quyền bào chữa cho bị cáo. Về căn cứ khởi tố vụ án thì hồ sơ vụ án thể hiện vụ án khởi tố ngày 04/01/2017, đơn tố cáo của N ngày 25/4/2016, lời khai ngày 03/6/2016 tại Bút lục 94 ngày 02/9/2016 các bên có thỏa thuận việc vay nợ trước khi khởi tố vụ án. Do có những vấn đề cần làm rõ và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lương Trần T trình bày: Thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát hủy án sơ thẩm, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không có luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo bị truy tố tội có mức án tù chung thân. Hơn nữa, tài liệu thu thập nhưng chưa tiến hành giám định, đề nghị hủy án sơ thẩm. Cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không chính xác, đầy đủ, tuyên các bị cáo mức án tội danh không chính xác, cần đánh giá thỏa thuận trước ngày khởi tố là thỏa thuận dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá thỏa thuận này để xác định quan hệ dân sự hay hình sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo K trình bày: Thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát hủy án sơ thẩm, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Án sơ thẩm bỏ lọt tội phạm. Đơn tố cáo của N thể hiện số tiền cho vay nóng 1.400.000.000 đồng, 03 ngày lãi 38.000.000 đồng, lãi suất 27%/tháng. Lãi suất N cho vay gấp 16 lần cho phép. Chị H trình bày số tiền 2.064.000.000 đồng đã có 294.000.000 đồng tiền lãi. N thừa nhận nhưng biên bản phiên tòa sơ thẩm không thể hiện. Cấp sơ thẩm bỏ lọt tội cho vay nặng lãi của N, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị hại N trình bày: Thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát hủy án sơ thẩm để điều tra lại. Thỏa thuận ngày 02/9/2016 trước ngày khởi tố vụ án. Tội danh này không bắt buộc khởi tố theo yêu cầu của bị hại. Hành vi lạm dụng cấu thành kể từ thời điểm bị cáo K cung cấp bản photo và hình cho N thể hiện bị cáo T đã trả tiền cho N. Bị cáo T không thừa nhận, nói trả tiền cho N rồi. Hành vi tinh vi. Việc khởi tố không phụ thuộc yêu cầu bị hại. Đối với vấn đề cho vay nặng lãi luật sư S1 trình bày, ông không đồng ý vì tội cho vay nặng lãi phải vượt quá 10 lần, gói vay đáo hạn, không có ngày cụ thể. Tính đến hôm nay, bị cáo T chưa trả tiền cho N, không có cơ sở tính lãi bị hại N nhận. Việc vay của

Tvà N mang tính dân sự, không đủ yếu tố cấu thành tội cho vay nặng lãi vì N không có chuyên nghiệp và bóc lột. Lời khai của anh em T có khai gian dối cho bị cáo T mượn tiền để trả cho N làm ảnh hưởng đến quá trình điều tra, có dấu hiệu của tội khai báo gian dối.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đối đáp tranh luận:

Về ý kiến của luật sư bảo vệ cho bị cáo T: Căn cứ khởi tố cần xem xét đánh giá vì ngày 02/9/2016 N có làm đơn rút đơn tố cáo, vụ án khởi tố ngày 04/01/2017. N rút đơn tố cáo trước ngày khởi tố vụ án, do đó cần làm rõ căn cứ khởi tố để đảm bảo tính khách quan của vụ án, đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Về ý kiến của luật sư S1: Hành vi cho vay nặng lãi của N, cần giám định lại điện thoại có file ghi âm mới làm rõ N có cho vay nặng lãi hay không.

Về ý kiến của luật sư bị hại: Hai người giúp lời khai cho T, hai người này không biết mục đích của T chiếm đoạt tài sản của N nên không có phạm tội.

Bị cáo T nói lời nói sau cùng: Bị cáo không có ý định chiếm đoạt tài sản của N. Việc làm giấy đã trả nợ để đối phó với ngân hàng, K không bị kỷ luật và ngân hàng cho bị cáo vay lại có tiền trả cho N. N gây rắc rối cho bị cáo. Số tiền N cho vay lấy lãi cao, không cho bị cáo cơ hội làm ăn để trả nợ.

Bị cáo K nói lời nói sau cùng: Bị cáo đưa giấy cho N để đối phó ngân hàng, không có mục đích tư lợi, không có giúp T chiếm đoạt tiền của N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung: Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo T có cung cấp USB chứa file ghi âm thể hiện trong biên nhận chốt số nợ 2.164.000.000 đồng, đã trả 100.000.000 đồng thì có khoảng lãi là 294.000.000 đồng, có nhiều người tham gia chị H, bị cáo K, bị cáo T và bị hại N. Đây là chứng cứ quan trọng để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Mặt khác, lời khai của bị cáo T khẳng định trước khi khởi tố vụ án ngày 04/01/2017 thì ngày 02/9/2016 bị cáo T, bị cáo K và bị hại N có ngồi thỏa thuận xác định nợ. Bị hại N đồng ý cho bị cáo T trả dần nợ, cam kết không thưa kiện và tố cáo T nữa. Việc này cũng cần đối chất giữa bị cáo T, bị cáo K và bị hại N để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về tố tụng: Bị cáo T bị truy tố về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự, khung hình phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân. Theo quy định tại Điều 76 Bộ luật tố

tụng hình sự năm 2015, trường hợp này nếu như bị cáo không nhờ luật sư, cơ quan tiến hành tố tụng phải cử người bào chữa cho bị cáo. Tại biên bản phiên tòa ngày 30/01/2018 và Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2018/HS-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long không thể hiện có luật sư chỉ định cho bị cáo và quan điểm của bị cáo T khước từ luật sư trong giai đoạn xét xử.

Án sơ thẩm tuyên tiếp tục thực hiện lệnh kê biên tài sản số 01 ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Long đối với tất cả máy may tại phân xưởng 1, công ty TNHH Một Thành viên may T1 đặt tại ấp T7, xã H2, huyện T4, tỉnh Vĩnh Long của bị cáo Lương Trân T (Kèm theo biên bản kê biên tài sản ngày 17/02/2017 - BL 266, 267 nhưng không đưa công ty TNHH Một Thành viên may T1 vào tham gia tố tụng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư S1 trình bày cần làm rõ hành vi cho vay nặng lãi của N và luật sư của bị hại yêu cầu phải xử lý hình sự lời khai của hai người làm chứng Lương Vĩnh T5 và Lương Thái T6. Vấn đề này sẽ được xem xét làm rõ trong quá trình điều tra lại vụ án.

[4] Do có những vấn đề cần làm rõ như đã phân tích nêu trên và án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2018/HS-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để điều tra xử lý theo thủ tục chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, các luật sư và đương sự tại phiên tòa.

[5] Do hủy án nên án phí hình sự phúc thẩm không ai có trách nhiệm thi hành.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2018/HS-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long điều tra xử lý theo thủ tục chung.

Án phí hình sự phúc thẩm: Không ai có trách nhiệm thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- BCTN;
- Bị hại;
- NLQ;
- Lưu: VP, HS, 16bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương